

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN CHẤN
TỈNH YÊN BÁI**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13-5-2025

V/v huỷ kết hôn trái pháp luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN CHẤN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Nguyễn Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Đình Mùi.
2. Ông Vũ Lương Trung Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Mai Na – Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2025/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc huỷ kết hôn trái pháp luật theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đoàn Thị T, sinh ngày 02/11/1981, trú tại: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Thanh L, sinh ngày 21/10/1982, trú tại: Thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* UBND xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái. Người đại diện theo pháp luật của UBND xã S là ông Lữ Văn T1 – Chủ tịch UBND xã S. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Đoàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Bùi Thanh L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 16 tháng 5 năm 2001. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn T, xã S, huyện V, quá trình chung sống đến tháng 7/2023 thì nảy sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi

nhau và cả hai đã sống ly thân từ thời điểm đó, đến nay chị T xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Thanh L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thành L1, sinh ngày 09/12/2001 và Bùi Thị Lan P, sinh ngày 06/5/2006, các con đã trên 18 tuổi, khoẻ mạnh. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con.

Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài các yêu cầu nêu trên chị Đoàn Thị T trình bày thêm, tại thời điểm chị và anh L đăng ký kết hôn năm 2001, không hiểu vì lý do gì, cán bộ tư pháp hộ tịch xã S, huyện V ghi sai tên đệm của anh L từ Bùi Thanh L thành Bùi Văn L2, ghi sai ngày tháng năm sinh của anh L2 từ 21/10/1982 thành 24/9/1980, ghi sai tên đệm của chị T từ Đoàn Thị T thành Đoàn Thuý Thuần, mặc dù ở phần ký tên chị T vẫn ký và ghi rõ họ tên là Đoàn Thị T, ghi sai ngày tháng năm sinh của chị T từ 02/11/1981 thành 14/12/1981.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ gồm: Đăng ký kết hôn giữa Bùi Văn L2 sinh ngày 24/9/1980 và Đoàn Thuý T2, sinh ngày 14/12/1981, Bản sao giấy khai sinh của 02 con, Bản sao giấy khai sinh của chị Đoàn Thị T, Đơn xin xác nhận thông tin nhân thân của Bùi Thanh L và Đoàn Thị T có xác nhận của Công an xã S, huyện V, Bản sao Căn cước công dân (CCCD) của Bùi Thanh L, Bản sao CCCD của Đoàn Thị T, Bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân của Bùi Thanh L, Xác nhận thông tin cư trú của Bùi Thanh L và Đoàn Thị T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã triệu tập hợp lệ bị đơn nhưng tại các buổi làm việc anh L đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định.

Người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã S ông Lữ Văn T1 trình bày: Tại sổ đăng ký kết hôn năm 2001 lưu trữ tại UBND xã S, tại số thứ tự 18 quyển số 01 năm 2001, ngày 16/5/2001 UBND có đăng ký kết hôn cho anh Bùi Văn L2 sinh ngày 24/9/1980 và chị Đoàn Thuý T2 sinh ngày 14/12/1981 theo thông tin trong sổ kết hôn, công chức tư pháp – hộ tịch tiến hành đăng ký là ông Sa Văn S. Ngoài sổ đăng ký kết hôn năm 2001 thì UBND xã S không còn lưu trữ hồ sơ tài liệu liên quan gì đến việc đăng ký kết hôn giữa anh L2 và chị T2. Nay chị T2 đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xác định quan hệ pháp luật là huỷ kết hôn trái pháp luật, UBND xã S đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Toà án nhân dân huyện Văn Chấn đã gặp ông Sa Văn S, sinh năm 1970, trú tại thôn N, xã S, huyện V là công chức tư pháp hộ tịch thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị T2 và anh L2 theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 16/5/2001 được ông S cung cấp thông tin như sau: Ông Sa Văn S là công chức tư pháp hộ tịch của UBND xã S từ năm 1998 đến năm 2004. Năm 2001 ông S có thực hiện đăng ký kết hôn cho chị T2 và anh L2, tuy nhiên ông S có ghi sai thông tin về tên đệm của cả anh L2 và chị T2, ghi sai ngày tháng năm sinh của cả hai người. Sau khi được xem ảnh trên CCCD của anh Bùi Thanh L sinh ngày 21/10/1982 và ảnh trên CCCD của chị Đoàn Thị T sinh ngày 02/11/1981 thì ông Sa Văn S khẳng định đây là những người mà ông S đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 16/5/2001.

Xác minh tại Công an xã S, huyện V được cung cấp thông tin như sau: Sau khi rà soát trên hệ thống dân cư, tại xã S chỉ có công dân Đoàn Thị T, sinh ngày 02/11/1981 và Bùi Thanh L sinh ngày 21/10/1982, hai người này là vợ chồng. Ngoài ra tại xã S không có ai tên là Bùi Văn L2, sinh ngày 24/9/1980 và Đoàn Thúy T2, sinh ngày 14/12/1981.

Xác minh tại nơi cư trú của các đương sự được trưởng thôn Tành Hanh, xã S cung cấp thông tin: Anh L2 và chị T2 là vợ chồng, quá trình chung sống nảy sinh mâu thuẫn do anh L2 vi phạm pháp luật phải đi chấp hành án phạt tù, hiện nay anh L2 đã chấp hành án xong nhưng ít khi ở nhà mà thường xuyên đi làm ăn xa, không rõ ngày trở về.

Đây là vụ án huỷ kết hôn trái pháp luật thuộc trường hợp không được hoà giải, quá trình giải quyết vụ án, chị T2 cũng đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, Tòa án chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp theo quy định.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bản tự khai đã có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Chấn phát biểu ý kiến:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án đã tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tại bản tự khai đã có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên

quan. Căn cứ khoản Điều 9 LHNGĐ (LHNGĐ) năm 2000; Điều 11 LHNGĐ năm đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Đoàn Thị T với anh Bùi Thanh L. Chị Đoàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Bùi Thanh L, trú tại thôn T, xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái, vụ án do Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có ý kiến đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về xác định nhân thân của các đương sự:

- Căn cứ trên lời khai của nguyên đơn, xác minh của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn tại Công an xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái, thông tin của công chức tư pháp hộ tịch đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 16/5/2001 ghi tên chồng Bùi Văn L2 và vợ Đoàn Thúy T2. HĐXX xác định anh Bùi Thanh L, sinh ngày 21/10/1982 và chị Đoàn Thị T, sinh ngày 02/11/1981 chính là những người đã đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V ngày 16/5/2001, do sơ xuất nên công chức tư pháp hộ tịch đã ghi sai thành Bùi Văn L2, sinh ngày 24/9/1980 và Đoàn Thúy T2, sinh ngày 14/12/1981 trên Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 18.

- Về xác định ngày tháng năm sinh của các đương sự:

Tại Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh L2 với chị T2 ghi ngày tháng năm sinh của chị T2 là ngày 14/12/1981. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cung cấp cho Tòa án 01 Bản sao “Giấy khai sinh Bản chính” của chị Đoàn Thị T ghi ngày tháng năm sinh của chị T là ngày 02/11/1981. Thông tin về ngày tháng năm sinh tại Giấy

khai sinh này phù hợp với thông tin ngày tháng năm sinh của chị T trên CCCD cấp ngày 24/6/2021 do vậy HĐXX xác định chị Đoàn Thị T, sinh ngày 02/11/1981.

Tại Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh L2 với chị T ghi ngày tháng năm sinh của anh L2 là ngày 24/9/1980. Tại Bản sao căn cước công dân của anh Bùi Thanh L cấp ngày 24/6/2021 ghi ngày sinh là 21/10/1982, tại bản phô tô Giấy chứng minh nhân dân của anh Bùi Thanh L cấp ngày 07/11/1998 ghi ngày tháng năm sinh là 21/10/1982. Như vậy trước khi đăng ký kết hôn thì thông tin về ngày tháng năm sinh của anh L đều là ngày 21/10/1982, do vậy HĐXX xác định ngày tháng năm sinh của anh Bùi Thanh L là ngày 21/10/1982.

2.2 Về quan hệ hôn nhân:

- Về thẩm quyền đăng ký kết hôn. Chị Đoàn Thị T và anh Bùi Thanh L đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V là nơi anh L cư trú. UBND xã S thực hiện đăng ký kết hôn cho anh L và chị T là đúng thẩm quyền.

- Về điều kiện kết hôn. Ngày 16/5/2001, chị Đoàn Thị T và anh Bùi Thanh L thực hiện việc đăng ký kết hôn, tại thời điểm này LHNGĐ năm 2000 có hiệu lực. Theo quy định tại Điều 9 LHNGĐ năm 2000 thì điều kiện về độ tuổi để kết hôn của nam là từ 20 tuổi trở lên, nữ là từ 18 tuổi trở lên. Tại thời điểm đăng ký kết hôn chị Đoàn Thị T đã trên 19 tuổi đủ điều kiện kết hôn, tuy nhiên anh Bùi Thanh L mới hơn 18 tuổi chưa đủ độ tuổi để kết hôn do vậy UBND xã S thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn cho anh L và chị T là trái quy định của LHNGĐ năm 2000.

Tại phiên tòa hôm nay HĐXX thấy rằng: Việc đăng ký kết hôn giữa chị Đoàn Thị T và anh Bùi Thanh L tại UBND xã S ngày 16/5/2001 đã vi phạm điều kiện kết hôn về độ tuổi. Đến thời điểm yêu cầu ly hôn thì cả anh Bùi Thanh L và chị Đoàn Thị T đã đủ điều kiện kết hôn, tuy nhiên tại đơn khởi kiện, tại bản tự khai chị Đoàn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh Bùi Thanh L, không yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, không yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân, anh Bùi Thanh L không đến Tòa án theo giấy triệu tập để trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 11 LHNGĐ năm 2014 thì *“Xử lý việc kết hôn trái pháp luật được Tòa án thực hiện theo quy định tại Luật này và pháp luật về tố tụng dân sự”*. Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình quy định *“b) Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”*. Căn cứ các quy

định nêu trên, HĐXX xét thấy cần tuyên bố huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Bùi Thanh L và chị Đoàn Thị T.

Xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Quá trình thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Văn Chấn đã xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Tại phiên toà hôm nay HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp khác về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS.

2.2 Về con chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3 Về tài sản chung và việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị Đoàn Thị T và anh Bùi Thanh L được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[5] Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của BLTTDS;

Điều 9 LHNGĐ năm 2000;

Điều 11 của LHNGĐ năm 2014;

Điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Huỷ kết hôn trái pháp luật giữa chị Đoàn Thị T, sinh ngày 02/11/1981 với anh Bùi Thanh L, sinh ngày 21/10/1982 theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 01 do UBND xã S, huyện V, tỉnh Yên Bái thực hiện việc đăng ký (Giấy chứng nhận kết hôn ghi họ tên chồng Bùi Văn L2, sinh ngày 24/9/1980, họ tên vợ Đoàn Thúy T2, sinh ngày 14/12/1981).

2. Về án phí: Chị Đoàn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại

Biên lai số AA/2024/0000945 ngày 18/2/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Yên Bái;
- VKSND.H Văn Chấn ;
- CCTHADS.H Văn Chấn;
- UBND xã Sơn Lương;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Nguyễn Thắng

